

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNGSố 4 Láng Hạ, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2011 đến ngày 30/09/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý III năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2011	Quý III năm 2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		339.792.608.120	384.403.888.242	905.824.537.356	1.123.569.897.789
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		817.793.157	945.452	893.445.449	3.780.391.136
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		338.974.814.963	384.402.942.790	904.931.091.907	1.119.789.506.653
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		238.204.842.617	324.229.820.025	719.566.045.570	780.131.452.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		100.769.972.346	60.173.122.765	185.365.046.337	339.658.054.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		88.110.478.776	155.293.694.078	266.347.062.093	210.348.821.025
7. Chi phí tài chính	22		51.626.746.798	22.271.839.368	109.840.385.744	55.537.701.669
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.524.662.374	20.861.393.908	118.007.907.685	51.190.585.533
8. Chi phí bán hàng	24		19.742.362.912	4.292.845.463	31.374.005.771	10.066.125.223
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.791.450.988	21.156.239.557	110.593.542.593	57.818.334.917
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.719.890.425	167.745.892.455	199.904.174.323	426.584.713.381
11. Thu nhập khác	31		119.748.624	29.062.497	173.077.785	300.169.352.159
12. Chi phí khác	32		943.167.485	1.504.456.836	2.136.907.621	173.097.259.637
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(823.418.861)	(1.475.394.339)	(1.963.829.836)	127.072.092.522
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45		16.277.782.363	32.808.522.802	75.046.265.391	49.024.283.198
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		87.174.253.926	199.079.020.918	272.986.609.877	602.681.089.101
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		10.962.783.138	45.841.732.858	47.228.838.511	144.161.272.021
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	6.055.029.781	3.989.677.566
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		76.211.470.788	153.237.288.060	219.702.741.585	454.530.139.514
Trong đó:					-	-
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		4.918.336.266		18.584.390.868	21.572.720.262
18.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		71.293.134.522	153.237.288.060	201.118.350.717	432.957.419.252
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		285	613	804	1.821

Kế toán

Nguyễn Thanh Nhân

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuyền

Hà nội, ngày 19 tháng 11 năm 2011

Phó Chủ tịch HĐQT



Vũ Hồng Sơn